

Đơn vị báo cáo: CTY CP XÂY DỰNG & KD ĐỊA ỐC HÒA BÌNH
(HBC)
Địa chỉ: 235 Võ Thị Sáu, P.7, Quận 3, Tp.HCM

Mẫu số B 01a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II Năm 2007

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2007

Đơn vị tính : VND

Stt	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối quý	Số đầu năm
0	1	2	3	4	5
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		168,095,523,142	97,144,560,009
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18,444,921,853	13,581,255,676
1	Tiền	111	V.01	18,444,921,853	13,581,255,676
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	6,854,902,142	8,351,556,800
1	Đầu tư ngắn hạn	121		7,148,868,632	8,430,168,740
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(293,966,490)	(78,611,940)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126,644,604,325	64,211,163,250
1	Phải thu khách hàng	131		92,935,045,077	54,623,922,977
2	Trả trước cho người bán	132		4,911,175,972	2,318,168,360
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		28,899,952,013	7,439,490,652
5	Các khoản phải thu khác	135	V.03	88,492,663	19,642,661
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(190,061,400)	(190,061,400)
IV.	Hàng tồn kho	140		11,222,763,192	9,455,570,984
1	Hàng tồn kho	141	V.04	11,222,763,192	9,455,570,984
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4,928,331,630	1,545,013,299
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		550,248,469	547,877,973
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,577,342,828	102,182,263
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	49,894,822	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		1,750,845,511	894,953,063

Stt	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối quý	Số đầu năm
0	1	2		4	5
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260+270)	200		47,953,814,304	36,024,746,264
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
2	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
3	Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
4	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		44,594,133,441	33,524,765,209
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	43,833,148,153	33,038,367,332
	- Nguyên giá	222		54,519,654,772	41,552,508,517
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10,686,506,619)	(8,514,141,185)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	760,985,288	486,397,877
	- Nguyên giá	228		852,993,623	569,751,423
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(92,008,335)	(83,353,546)
4	Chi Phí XD CB dở dang	230	V.11	-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		498,898,617	280,331,708
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh	252		-	-
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	498,898,617	280,331,708
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Lợi thế thương mại	260		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	270		2,860,782,246	2,219,649,347
1	Chi phí trả trước dài hạn	271	V.14	2,813,412,246	2,172,279,347
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.21	-	-
3	Tài sản dài hạn khác	278		47,370,000	47,370,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		216,049,337,446	133,169,306,273

Stt	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối quý	Số đầu năm
0	1	2		4	5
A.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		133,728,629,727	63,124,503,881
I.	Nợ ngắn hạn	310		131,243,896,959	62,441,015,465
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	59,368,099,073	22,612,010,854
2	Phải trả người bán	312		25,706,568,577	9,503,203,916
3	Người mua trả tiền trước	313		22,673,407,476	2,011,274,912
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1,881,882,107	5,137,015,469
5	Phải trả người lao động	315		1,805,408,730	1,679,699,045
6	Chi phí phải trả	316	V.17	-	-
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ KH HĐ XD	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	19,808,530,996	21,497,811,269
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		2,484,732,768	683,488,416
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2,484,732,768	683,488,416
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		81,668,669,894	69,383,705,040
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	78,185,076,064	67,731,057,833
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56,399,900,000	56,399,900,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(5,145,602,607)	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		6,936,629,867	4,347,010,128
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		1,686,901,303	823,694,724
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18,307,247,501	6,160,452,981
11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3,483,593,830	1,652,647,207
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		3,483,593,830	1,652,647,207
2	Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		652,037,825	661,097,352
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600 = 300 + 400 + 500)	600		216,049,337,446	133,169,306,273

Lập, ngày 24 tháng 07 năm 2007

Người lập bảng

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Anh Ngọc

Phan Ngọc Thịnh

Lê Viết Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		4 Quý gần nhất (Quý III+IV/2006 + Quý I+II/2007)
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
0	1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	127,225,972,775	45,789,071,795	207,321,507,647	78,495,551,649	334,440,904,322
2. Các khoản giảm trừ D.thu	2		-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		127,225,972,775	45,789,071,795	207,321,507,647	78,495,551,649	334,440,904,322
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	111,526,504,038	40,813,941,646	182,369,574,634	69,966,757,107	294,649,965,542
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		15,699,468,737	4,975,130,149	24,951,933,013	8,528,794,542	39,790,938,780
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	390,278,197	31,665,059	8,224,173,631	54,282,958	8,368,059,743
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1,482,300,696	127,993,245	3,955,587,789	219,416,992	4,412,583,578
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,174,249,842	120,636,533	1,809,018,172	206,805,485	2,201,653,528
8. Chi phí bán hàng	24		3,348,160	28,677,248	41,089,553	49,160,996	88,896,950
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,393,813,819	2,535,503,983	9,021,139,777	4,432,819,889	14,870,477,695
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		9,210,284,259	2,314,620,732	20,158,289,525	3,881,679,623	28,787,040,300
11. Thu nhập khác	31		748,821,793	8,530,572	748,821,793	14,623,838	758,571,018
12. Chi phí khác	32		749,976,872	171,730,603	749,976,872	294,395,320	946,240,418
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1,155,079)	(163,200,031)	(1,155,079)	(279,771,482)	(187,669,400)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9,209,129,180	2,151,420,701	20,157,134,446	3,601,908,141	28,599,370,900
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1,267,414,814	581,767,670	2,840,159,974	997,316,006	4,843,172,465
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		7,941,714,366	1,569,653,031	17,316,974,472	2,604,592,135	23,756,198,435
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		16,531,480	3,233,891	(9,059,527)	5,543,813	19,383,090
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		7,925,182,886	1,566,419,140	17,326,033,999	2,599,048,322	23,736,815,345
18. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	63		5,584,090	5,639,990	5,584,090	5,639,990	5,612,040
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70						4,230

Lập ngày 24 tháng 07 năm 2007

Người lập bảng

Giám đốc tài chính

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Anh Ngọc

Phan Ngọc Thạnh

Lê Viết Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2007

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm 2006
1	2	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	20,157,134,446	12,044,144,595
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định	2	2,327,920,197	3,470,500,421
- Các khoản dự phòng	3	215,354,550	30,625,540
- Lãi, lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(7,121,144,934)	(154,642,670)
- Chi phí lãi vay	6	1,809,018,172	599,440,841
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	17,388,282,431	15,990,068,727
- Tăng giảm các khoản phải thu	9	(63,324,558,807)	(30,541,187,244)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(1,690,506,303)	1,242,100,999
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	36,350,795,425	18,983,511,644
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(645,645,059)	(612,919,950)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1,809,018,172)	(599,440,841)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1,361,398,233)	(1,333,149,872)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,035,800,000	18,674,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2,610,655,510)	(689,869,228)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15,666,904,228)	2,457,788,235
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(12,629,919,995)	(8,890,013,737)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	823,686,141	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(67,640,281,972)	(8,349,478,740)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	68,921,582,080	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức & lợi nhuận được chia	27	210,049,189	154,642,670
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10,314,884,557)	(17,084,849,807)

III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	(5,145,602,607)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	91,235,343,423	30,664,792,144
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(55,244,285,854)	(8,662,697,874)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	(96,550,022)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2,190,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30,845,454,962	19,715,044,248
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	4,863,666,177	5,087,982,676
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13,581,255,676	8,493,273,000
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	18,444,921,853	13,581,255,676

Lập, ngày 24 tháng 07 năm 2007

Người lập bảng

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Anh Ngọc

Phan Ngọc Thịnh

Lê Viết Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2007

TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2007

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP.

1. Hình thức sở hữu vốn :

* Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình là một công ty cổ phần (dưới đây gọi tắt là Công ty), được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000229 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2000 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/08/2002, thay đổi lần 2 ngày 25/03/2004, thay đổi lần 3 ngày 02/03/2006, thay đổi lần 4 ngày 07/07/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

* Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình bắt đầu hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2000.

* Ngày 22/11/2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu số 80/UBCK-GPNY cho Công ty. Và ngày 22/11/2006, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo các nội dung sau :

- Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông;

- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng;

- Số lượng cổ phiếu : 5.639.990 cổ phiếu;

- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá : 56.399.900.000 đồng.

* Ngày 17/07/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Quyết định cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 131/UBCK-GCN cho Công ty, theo các nội dung sau :

- Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông;

- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 7.860.010 cổ phiếu, trong đó:
 - + Giai đoạn 1: Phát hành 4.360.010 cổ phiếu, trong đó:
 - . Phát hành 558.409 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2006 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1;
 - . Phát hành 465.341 cổ phiếu để thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 12:1;
 - . Chào bán 1.116.818 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1;
 - . Chào bán 2.219.442 cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược;
 - + Giai đoạn 2: Phát hành 3.500.000 cổ phiếu, trong đó:
 - . Chào bán 1.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1;
 - . Chào bán 2.500.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược hoặc chào bán theo hình thức đấu giá công khai ra công chúng;

2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000229 lần đầu ngày 01/12/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/07/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm :

- * Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, công trình giao thông, hệ thống cấp thoát nước.
- * San lấp mặt bằng.
- * Kinh doanh nhà.
- * Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình).
- * Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.

- * Dịch vụ sửa chữa nhà.
- * Trang trí nội thất.
- * Trồng rừng cao su, xà cừ, trầm và bạch đàn.
- * Khai thác và sơ chế gỗ (phải thực hiện theo quy định của pháp luật và không hoạt động tại TP.Hồ Chí Minh).
- * Kinh doanh du lịch, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).
- * Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại).
- * Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.
- * Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp.
- * Xúc tiến thương mại, đại lý ký gửi hàng hoá, dịch vụ quảng cáo, lắp đặt và gia công hàng trang trí nội thất;
- * Sản xuất và mua bán hàng mộc gia dụng;
- * Cung cấp và lắp đặt nhôm kính cho các công trình xây dựng.

4. Công ty và các công ty con

- * Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình (công ty mẹ) :

Địa chỉ : 235 đường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- * Công ty TNHH tư vấn thiết kế Hòa Bình (HBA) :

Địa chỉ : số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 100%

- * Công ty TNHH Sơn Hòa Bình (HBP) :

Địa chỉ : số 37/5A Khu phố 5 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12.

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 100%

* Công ty TNHH Mộc Hòa Bình (MHB) :

Địa chỉ : số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 100%

* Công ty TNHH thương mại H.B.T :

Địa chỉ : số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 100%

* Công ty TNHH xây dựng Anh Huy :

Địa chỉ : số 1700/3C, Quốc lộ 1A, phường An Phú Đông, Quận 12, TP. HCM.

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 66,67%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính; các thông tư và chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và sửa đổi, bổ sung;
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng : Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ phát sinh không phải VND được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những tài sản bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.
- Giá xuất kho được áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Riêng, Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ được sử dụng để xác định số lượng hàng tồn kho cuối kỳ và giá xuất kho được áp dụng theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Giá vốn các công trình bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

- Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí cải tạo và làm mới chủ yếu thì được ghi vào tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính ban hành về “Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : chưa phát sinh.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : chưa phát sinh.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: các khoản đầu tư này được phản ánh trong báo cáo tài chính theo giá gốc.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: được ghi nhận theo giá gốc. Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc, doanh nghiệp lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: lập bổ sung theo số chênh lệch lớn hơn dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn đã lập năm trước còn lại đang ghi sổ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

- Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ : chưa phát sinh.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước : chưa phát sinh.

- Chi phí khác : chưa phát sinh.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : theo thời gian sử dụng.

- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại : chưa phát sinh.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: chưa phát sinh.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả: chưa phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản: chưa phát sinh.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: chưa phát sinh.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

* Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại : TK4113

* Ghi nhận cổ tức : theo điều lệ và chi bằng cổ phiếu, trừ trường ngoại lệ cổ đông yêu cầu nhận tiền mặt.

* Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế : Quỹ dự phòng tài chính : 5%, Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh : 15%, Quỹ khen thưởng phúc lợi 10%, Chia cổ tức 70%.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu xây dựng lắp đặt :

Doanh thu được ghi nhận cho những hợp đồng xây dựng dựa trên cơ sở giá trị công việc đã hoàn thành. Công việc đã hoàn thành căn cứ theo giá trị khối lượng thực tế đã thực hiện, được bên chủ đầu tư xác nhận và nghiệm thu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :

Doanh thu được ghi nhận khi sản phẩm, hàng hóa đã được cung cấp và dịch vụ được thực hiện.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính: chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành

Theo quy định hiện hành về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ sở sản xuất trong nước mới thành lập và sử dụng trên 100 lao động, Công ty TNHH Mộc Hòa Bình được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo. Vì vậy trong năm tài chính 2007, công ty này được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo quy định của Nhà nước, các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán trước ngày 01/01/2007 sẽ được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết, và Công ty đã chọn năm 2007 và năm 2008 là 2 năm được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: chưa phát sinh.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

15.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và được soạn thảo trên cơ sở quy ước theo giá gốc.

15.2. Áp dụng các chuẩn mực kế toán mới

Từ năm 2006, Công ty đã áp dụng Thông tư số 20/2006/TT-BTC và Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 hướng dẫn thực hiện 10 chuẩn mực kế toán Việt Nam(VAS) liên quan :

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (VAS 17);
- Các sự kiện phát sinh sau ngày kỳ kế toán năm (VAS 23);
- Thay đổi các chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót (VAS 29);
- Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng (VAS 18)
- và Lãi trên cổ phiếu (VAS 30).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: VND)

1. Tiền	30/06/2007	01/01/2007
- Tiền mặt	13.295.604.208 đ	684.141.396 đ
- Tiền gửi ngân hàng	5.149.317.645 đ	12.897.114.280 đ
- Tiền đang chuyển	0 đ	0 đ
Cộng:	18.444.921.853 đ	13.581.255.676 đ

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2007	01/01/2007
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	7.148.868.632 đ	8.430.168.740 đ
- Đầu tư ngắn hạn khác	0 đ	0 đ
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(293.966.490) đ	(78.611.940) đ
Cộng:	6.854.902.142 đ	8.351.556.800 đ
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2007	01/01/2007
- Phải thu về cổ phần hóa	0 đ	0 đ
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	0 đ	0 đ
- Phải thu người lao động	0 đ	0 đ
- Phải thu khác	88.492.663 đ	19.642.661 đ
Cộng:	88.492.663 đ	19.642.661 đ
4. Hàng tồn kho	30/06/2007	01/01/2007
- Hàng mua đang đi đường	0 đ	0 đ
- Nguyên liệu, vật liệu	3.847.077.728 đ	4.028.155.792 đ
- Công cụ, dụng cụ	999.167.319 đ	128.519.721 đ
- Chi phí SX, KD dở dang	4.536.871.746 đ	3.420.656.129 đ
- Thành phẩm	260.141.337 đ	267.297.751 đ
- Hàng hoá	1.579.505.062 đ	1.610.941.591 đ
- Hàng gửi đi bán	0 đ	0 đ
- Hàng hóa kho bảo thuế	0 đ	0 đ

- Hàng hóa bất động sản 0 đ 0 đ

Cộng giá trị gốc hàng tồn kho: 11.222.763.192 đ 9.455.570.984 đ

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 đ

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 đ

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: chưa phát sinh.

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước 30/06/2007 01/01/2007

- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa 49.894.822 đ 0 đ

- Thuế GTGT còn được khấu trừ 2.577.342.828 đ 102.182.263 đ

- Các khoản khác phải thu Nhà nước 0 đ 0 đ

Cộng: 2.627.237.650 đ 102.182.263 đ

6. Phải thu dài hạn nội bộ 30/06/2007 01/01/2007

- Cho vay dài hạn nội bộ 0 đ 0 đ

- Phải thu dài hạn nội bộ khác 0 đ 0 đ

Cộng: 0 đ 0 đ

7. Phải thu dài hạn khác 30/06/2007 01/01/2007

- Ký quỹ, ký cược dài hạn 0 đ 0 đ

- Các khoản tiền nhận ủy thác 0 đ 0 đ

- Cho vay không có lãi 0 đ 0 đ

- Phải thu dài hạn khác:	0 đ	0 đ
Cộng:	0 đ	0 đ

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị Dụng cụ	Tổng Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 01/01/2007	6.650.265.256	30.041.599.943	3.632.453.834	1.228.189.484	41.552.508.517
- Mua trong năm	93.412.961	13.428.771.810	470.775.274		13.992.960.045
- Đầu tư XD CB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư			889.670.000		889.670.000
- Thanh lý, nhượng bán				136.143.790	136.143.790
- Giảm khác					
Số dư tại ngày 30/06/2007	6.743.678.217	43.470.371.753	3.213.559.108	1.092.045.694	54.519.654.772
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2007	995.136.643	6.187.047.259	775.786.526	556.170.757	8.514.141.185
- Khấu hao trong năm	164.860.083	2.019.984.445	146.695.057		2.331.539.585
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			140.864.417		140.864.417
- Giảm khác				18.309.734	18.309.734
Số dư tại ngày 30/06/2007	1.159.996.726	8.207.031.704	781.617.166	537.861.023	10.686.506.619
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày 01/01/2007	5.655.128.613	23.854.552.684	2.856.667.308	672.018.727	33.038.367.332
- Tại ngày 30/06/2007	5.583.681.491	35.263.340.049	2.431.941.942	554.184.671	43.833.148.153

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ Khác	Tổng Cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính					
Số dư tại ngày 01/01/2007					
- Thuê tài chính trong năm - Mua lại TSCĐ thuê tài chính - Tăng khác - Trả lại TSCĐ thuê tài chính - Giảm khác					
Số dư tại ngày 30/06/2007					
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2007					
- Khấu hao trong năm - Mua lại TSCĐ thuê tài chính - Tăng khác - Trả lại TSCĐ thuê tài chính - Giảm khác					
Số dư tại ngày 30/06/2007					
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC					
- Tại ngày 01/01/2007					
- Tại ngày 30/06/2007					

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: không có.

* Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: không có.

* Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: không có.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư tại ngày 01/01/2007	450.000.000	0	0	36.804.000	82.947.423	569.751.423
- Mua trong năm - Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp - Tăng do hợp nhất kinh doanh - Tăng khác - Thanh lý, nhượng bán - Giảm khác				283.242.200		283.242.200
Số dư tại ngày 30/06/2007	450.000.000	0	0	320.046.200	82.947.423	852.993.623
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 01/01/2007	0	0	0	23.421.600	59.931.946	83.353.546
- Khấu hao trong năm - Tăng khác - Thanh lý, nhượng bán - Giảm khác				4.507.418	4.147.371	8.654.789
Số dư tại ngày 30/06/2007	0	0	0	27.929.018	64.079.317	92.008.335
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
- Tại ngày 01/01/2007	450.000.000	0	0	13.382.400	23.015.477	486.397.877
- Tại ngày 30/06/2007	450.000.000	0	0	292.117.182	18.868.106	760.985.288

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác theo yêu cầu của Chuẩn mực kế toán 04 “TSCĐ vô hình”

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

30/06/2007

01/01/2007

- Tổng số chi phí XD CB dở dang

0 đ

0 đ

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác theo yêu cầu của Chuẩn mực kế toán 05 “BDS đầu tư”

13. Đầu tư dài hạn khác:	30/06/2007	01/01/2007
- Đầu tư cổ phiếu	0 đ	0 đ
- Đầu tư trái phiếu	5.000.000 đ	5.000.000 đ
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	0 đ	0 đ
- Cho vay dài hạn	0 đ	0 đ
- Đầu tư dài hạn khác (*)	493.898.617 đ	275.331.708 đ
Cộng:	498.898.617 đ	280.331.708 đ

(*): đây là các khoản chi cho việc tư vấn, thiết kế sơ bộ và lập dự án đầu tư khu nghỉ dưỡng quốc tế Hòa Bình tại Lăng Cô do Công ty làm chủ đầu tư.

14. Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2007	01/01/2007
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	0 đ	0 đ
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	0 đ	0 đ
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	0 đ	0 đ
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	0 đ	0 đ
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.813.412.246 đ	2.172.279.347 đ
Cộng:	2.813.412.246 đ	2.172.279.347 đ

15. Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2007	01/01/2007
- Vay ngắn hạn	58.954.599.073 đ	22.198.510.854 đ
- Nợ dài hạn đến hạn trả	413.500.000 đ	413.500.000 đ
Cộng:	59.368.099.073 đ	22.612.010.854 đ

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2007	01/01/2007
- Thuế giá trị gia tăng	455.810 đ	3.252.094.530 đ
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0 đ	0 đ
- Thuế xuất, nhập khẩu	0 đ	0 đ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.549.933.484 đ	1.857.446.092 đ
- Thuế thu nhập cá nhân	331.492.813 đ	27.474.847 đ

- Thuế tài nguyên	0 đ	0 đ
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0 đ	0 đ
- Các loại thuế khác	0 đ	0 đ
Cộng:	1.881.882.107 đ	5.137.015.469 đ
17. Chi phí phải trả	30/06/2007	01/01/2007
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	0 đ	0 đ
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	0 đ	0 đ
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	0 đ	0 đ
Cộng:	0 đ	0 đ
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2007	01/01/2007
- Tài sản thừa chờ xử lý	0 đ	0 đ
- Kinh phí công đoàn	40.704.200 đ	24.621.550 đ
- Bảo hiểm xã hội	94.418.900 đ	54.880.025 đ
- Bảo hiểm y tế	6.244.125 đ	9.389.500 đ
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0 đ	0 đ
- Doanh thu chưa thực hiện	0 đ	0 đ
- Cổ tức phải trả	0 đ	0 đ
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.667.163.771 đ	21.408.920.194 đ
Cộng:	19.808.530.996 đ	21.497.811.269 đ

19. Phải trả dài hạn nội bộ	30/06/2007	01/01/2007
- Vay dài hạn nội bộ	0 đ	0 đ
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	0 đ	0 đ
Cộng:	0 đ	0 đ

20. Vay và nợ dài hạn	30/06/2007	01/01/2007
------------------------------	-------------------	-------------------

a - Vay dài hạn

- Vay ngân hàng	2.898.232.768 đ	1.096.988.416 đ
- Vay đối tượng khác	0 đ	0 đ
- Trái phiếu phát hành	0 đ	0 đ
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	(413.500.000) đ	(413.500.000) đ
Cộng:	2.484.732.768 đ	683.488.416 đ

b- Nợ dài hạn

- Thuê tài chính	0 đ	0 đ
- Nợ dài hạn khác	0 đ	0 đ
Cộng:	0 đ	0 đ

- Các khoản nợ thuê tài chính

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm						
Trên 5 năm						

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	30/06/2007	01/01/2007
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	0 đ	0 đ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	0 đ	0 đ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	0 đ	0 đ
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	0 đ	0 đ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0 đ	0 đ
b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/06/2007	01/01/2007
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	0 đ	0 đ
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	0 đ	0 đ
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0 đ	0 đ

22. Vốn chủ sở hữu

a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	01/01/2007	Tăng	Giảm	30/06/2007
Vốn đầu tư của CSH	56.399.900.000			56.399.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	4.347.010.128	2.589.619.739 (1)		6.936.629.867
Quỹ dự phòng tài chính	823.694.724	863.206.579 (2)		1.686.901.303
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.652.647.207	1.903.409.123 (3)	72.462.500	3.483.593.830
Lợi nhuận chưa phân phối	6.160.452.981	12.146.794.520		18.307.247.501
Cổ phiếu quỹ			5.145.602.607	(5.145.602.607)
Cộng	69.383.705.040	17.503.029.961	5.218.065.107	81.668.669.894

(1): tăng do trích từ lợi nhuận sau thuế	2.589.619.739 đ
(2): tăng do trích từ lợi nhuận sau thuế	863.206.579 đ
(3): tăng do:	
- trích từ lợi nhuận sau thuế:	17.326.033.993 đ
- trích quỹ tương trợ từ lương CBCNV:	176.995.964 đ

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2007	01/01/2007
- Vốn góp của Nhà nước:	0 đ	0 đ
- Vốn góp của các đối tượng khác:	56.399.900.000 đ	56.399.900.000 đ

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: Không có.

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 55.900 cổ phiếu	5.145.602.607 đ	0 đ
--	-----------------	-----

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và

phân phối cổ tức, lợi nhuận

	30/06/2007	01/01/2007
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	56.399.900.000 đ	56.399.900.000 đ
+ Vốn góp đầu năm	56.399.900.000 đ	56.399.900.000 đ
+ Vốn góp tăng trong kỳ	0 đ	đ

+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	0 đ	đ
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	56.399.900.000đ	56.399.900.000 đ
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	0 đ	0 đ

d - Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông : 10.0%
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi : không có cổ phiếu ưu đãi.
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có cổ phiếu ưu đãi.

d - Cổ phiếu	30/06/2007	01/01/2007
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành đến 30/06/2007	5.639.990	5.639.990
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành bán ra công chúng	5.639.990	5.639.990
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.639.990	5.639.990
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	55.900	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55.900	0
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.584.090	5.639.990
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	5.584.090	5.639.990
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đ*

e - Các quỹ của doanh nghiệp	30/06/2007	01/01/2007
- Quỹ đầu tư phát triển	6.936.629.867 đ	4.347.010.128 đ
- Quỹ dự phòng tài chính	1.686.901.303 đ	823.694.724 đ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.483.593.830 đ	1.652.647.207 đ

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển: nhằm thay đổi công nghệ máy móc thiết bị; Tích lũy.
- Quỹ dự phòng tài chính: đáp ứng nhu cầu tài chính.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: chi khen thưởng và phúc lợi cho CBCNV.
- Quỹ tương trợ: chi bổ sung cho ma chay, ốm đau, khó khăn . . . cho CBCNV.

g - Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

23. Nguồn kinh phí	30/06/2007	01/01/2007
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	0 đ	0 đ
- Chi phí sự nghiệp	0 đ	0 đ
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	0 đ	0 đ

24. Tài sản thuê ngoài	30/06/2007	01/01/2007
-------------------------------	-------------------	-------------------

(1) - Giá trị tài sản thuê ngoài

- TSCĐ thuê ngoài	0 đ	0 đ
- Tài sản khác thuê ngoài	0 đ	0 đ

(2) - Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê

hoạt động TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn

- Từ 1 năm trở xuống	0 đ	0 đ
- Trên 1 năm đến 5 năm	0 đ	0 đ
- Trên 5 năm	0 đ	0 đ

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: VND)

	Quý I+II/2007	Quý I+II/2006
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	207.321.507.647 đ	78.495.551.649 đ
(Mã số 01)		
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	0 đ	0 đ
+ <i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>0 đ</i>	<i>0 đ</i>
+ <i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>0 đ</i>	<i>0 đ</i>
+ <i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>0 đ</i>	<i>0 đ</i>
+ <i>Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)</i>	<i>0 đ</i>	<i>0 đ</i>
+ <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>0 đ</i>	<i>0 đ</i>
+ <i>Thuế xuất khẩu</i>	<i>0 đ</i>	<i>0 đ</i>
27. Doanh thu thuần về bán hàng	207.321.507.647 đ	78.495.551.649 đ
và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)		

28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý I+II/2007	Quý I+II/2006
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	182.369.574.634 đ	69.966.757.107 đ
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán	0 đ	0 đ
- Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	0 đ	0 đ
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	0 đ	0 đ
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	0 đ	0 đ
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0 đ	0 đ
Cộng:	182.369.574.634 đ	69.966.757.107 đ

	Quý I+II/2007	Quý I+II/2006
29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	8.224.173.631 đ	54.282.958 đ

30. Chi phí tài chính (Mã số 22)	3.955.587.789 đ	219.416.992 đ
---	------------------------	----------------------

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Quý I+II/2007	Quý I+II/2006
--	----------------------	----------------------

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.840.159.974 đ	997.316.006 đ
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0 đ	0 đ
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0 đ	0 đ

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Quý I+II/2007	Quý I+II/2006
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	0 đ	0 đ
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0 đ	0 đ
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	0 đ	0 đ
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	0 đ	0 đ
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0 đ	0 đ

33. Lợi ích của nhà đầu tư thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị ròng từ hoạt động kinh doanh và giá trị thuần của tài sản của công ty con (Công ty TNHH xây dựng Anh Huy) tính trên tỷ lệ cổ phần không do Công ty nắm giữ.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý I+II/2007	Quý I+II/2006
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.316.974.472 đ	2.604.592.135 đ
Trong đó		
-Lợi ích của cổ đông thiểu số	(9.059.527) đ	5.543.813 đ
-Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	17.326.033.999 đ	2.599.048.322 đ
LN phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	17.326.033.999 đ	2.599.048.322 đ
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.584.090	5.639.990

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Đơn vị tính: VND)

35. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng

đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền

do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng	Quý I+II/2007	Quý I+II/2006
a - Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan		
trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	0 đ	0 đ
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	0 đ	0 đ
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	0 đ	0 đ
b - Mua và thanh lý công ty con	0 đ	0 đ
hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo	0 đ	0 đ
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý	0 đ	0 đ
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền		
- và các khoản tương đương tiền	0 đ	0 đ
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con		
hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý	0 đ	0 đ
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản)		
và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền		
trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua		
hoặc thanh lý trong kỳ	0 đ	0 đ

c – Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền

lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

do có sự hạn chế của pháp luật hoặc có ràng buộc khác

mà doanh nghiệp phải thực hiện

0 đ

0 đ

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không

3. Thông tin về các bên liên quan: không

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “ Báo cáo bộ phận):

Sản phẩm	6 tháng đầu năm 2007			
	Doanh thu		Lợi nhuận	
	Đồng	%	Đồng	%
Xây dựng dân dụng và công nghiệp	191.330.867.050	85.17	10.799.473.424	62.65
Sản xuất, thi công và kinh doanh sơn Hodastone	2.492.427.475	1.11	152.896.165	0.89
Sản xuất, thi công và kinh doanh thành phẩm mộc và trang trí nội thất	15.561.851.781	6.93	1.315.385.523	7.63
Sản xuất, thi công lắp đặt và kinh doanh nhôm kính	1.106.220.934	0.49	(27.178.581)	(0.16)
Hoạt động tài chính	8.071.595.686	3.59	4.973.977.704	28.86
Tư vấn xây dựng, thiết kế kiến trúc và kết cấu công trình	226.895.904	0.10	10.675.923	0.06
Kinh doanh mua bán VLXD	5.860.864.755	2.61	11.722.852	0.07
Tổng cộng	224.650.723.585	100	17.236.953.010	100

* Tổng doanh thu hợp nhất 6 tháng đầu năm 2007: 207.321.507.647 đồng.

* Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông 6 tháng đầu năm 2007: 17.326.033.999 đồng.

* Tổng doanh thu theo bộ phận cao hơn doanh thu hợp nhất 17.329.215.938 đồng là do:

- Doanh thu hoạt động tài chính 8.071.595.686 đồng, không được cộng vào khoản tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh.

- Doanh thu nội bộ do cung cấp hàng hóa dịch vụ cho nhau giữa các công ty con và công ty mẹ, phải bị loại trừ là: 8.648.585.739 đồng.

- Doanh thu hàng bán nội bộ chưa tiêu thụ, còn tồn kho là 609.034.513 đồng.

* Tổng lợi nhuận thu theo bộ phận thấp hơn lợi nhuận hợp nhất là 89.080.989 đồng, do :

- Số lỗ kinh doanh thuộc về cổ đông thiểu số là: + 9.059.527 đồng.

- Hàng tồn kho mua nội bộ tồn cuối năm trước đã được tiêu thụ trong năm nay, ghi nhận khoản lãi là: + 159.250.737 đồng.

- Khoản lãi được thực hiện từ các giao dịch nội bộ nằm trong giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận kỳ này là: + 6.035.557 đồng.

- Khoản lãi chưa thực hiện nằm trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ là: -85.264.832 đồng.

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): không.

6. Thông tin về hoạt động liên tục: công ty hoạt động liên tục.

7. Những thông tin khác:

Doanh thu và kết quả sản xuất hoạt động kinh doanh:

a. Doanh thu

Doanh thu quý II/2007 là 127.225.972.775 đ, tăng 47.130.437.903 đồng, tương đương tăng 58,84% so với doanh thu quý I/2007 (Doanh thu quý I/2007 là 80.095.534.872 đồng).

b. Chi phí trực tiếp

Tổng chi phí trực tiếp quý II/2007 là 111.526.504.038 đ, tăng 40.683.433.442 đồng, tương đương tăng 57,43% so với tổng chi phí trực tiếp quý I/2007 (Chi phí trực tiếp Quý I/2007 là 70.843.070.596 đ). Tốc độ tăng chi phí trực tiếp nhỏ hơn tốc độ tăng doanh thu thể hiện công ty tiết giảm chi phí; Tỷ lệ chi phí trực tiếp trên doanh thu của quý II là 87,66% tương đối ổn định so với quý I/2007 là 88,45%.

c. Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế Quý II/2007 là 9.209.129.180 đồng, giảm 1.738.876.086 đồng, giảm 15,88% so với quý I/2007 (Lợi nhuận trước thuế quý I/2007 là 10.948.005.266 đồng), do :

- Lợi nhuận trước thuế của hoạt động tài chính Quý II/2007 82.227.343 đồng, giảm 5.913.149.328 đồng so với quý I/2007, là do Quý II/2007 thị trường chứng khoán Quý II/2007 không được thuận lợi nên công ty chưa đầu tư, chi tiết như sau :

Quý I/2007: Doanh thu hoạt động tài chính: 7.833.895.434 đ

Chi phí hoạt động tài chính (không tính lãi vay): 1.838.518.763 đ

Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động tài chính : 5.995.376.671 đ

Quý II/2007: Doanh thu hoạt động tài chính: 390.278.197 đ

Chi phí hoạt động tài chính(không tính lãi vay): 308.050.854 đ

Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động tài chính: 82.227.343 đ

- Chi phí lãi vay Quý II/2007 là 1.174.249.842 đồng, tăng so với Quý I/2007 là 539.481.512 đồng, do doanh số tăng, nợ vay ngắn hạn tăng, làm cho lợi nhuận Quý II/2007 giảm 539.481.512 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế của hoạt động kinh doanh chính Quý II/2007 là 10.302.306.758 đồng, tăng 4.714.909.833 đồng, tăng 84,38% so với quý I/2007 (5.587.396.925 đ):
 - + Quý II/2007 các hợp đồng thi công lớn được ký kết và triển khai, doanh thu Quý II tăng 58,84% so với Quý I, yếu tố này làm cho lợi nhuận Quý II tăng 3.287.779.578 đồng.
 - + Quý II/2007 tỷ lệ chi phí trực tiếp trên doanh thu giảm 0.79% làm tăng lợi nhuận 1.002.597.432 đồng.
 - + Ngoài ra tỉ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu giảm từ 4,58% (Quý I) xuống còn 4,24% (Quý II), làm cho lợi nhuận Quý II tăng 424.532.823 đồng.
- Lợi nhuận khác Quý II/2007 lỗ 1.155.079 đồng.

Người lập biểu

Giám đốc tài chính

Lập, ngày 24 tháng 07 năm 2007
Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Anh Ngọc

Phan Ngọc Thanh

Lê Việt Hải